

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể tại thời điểm ngày 01/10/2024 để làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính do gia hạn thời gian thuê đất đối với Khu đất tại số 11 đường 3 tháng 2, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng Ban hành Quy định các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trong việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh tên đơn vị thuê đất và gia hạn thời gian thuê đất đối với Khu đất tại số 11 đường 3 tháng 2, phường Thuận Phước, quận Hải Châu (nay là phường Hải Châu), thành phố Đà Nẵng của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 319/TTr-SNNMT ngày 07/4/2026 và Công văn số 11281/SNNMT-KTĐ ngày 13/8/2026, ý kiến của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 79/HĐTĐGD ngày 20/3/2026, ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng tại cuộc họp giao ban Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố vào ngày 17/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể tại thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2024 để làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính do gia hạn thời gian thuê đất theo Quyết định

số 2112/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh tên đơn vị thuê đất và gia hạn thời gian thuê đất đối với Khu đất tại số 11 đường 3 tháng 2, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, cụ thể như sau:

Giá đất thương mại dịch vụ (Văn phòng làm việc) với diện tích 265,9m² là 89.705.000 đồng/m² (Bằng chữ: Tám mươi chín triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn đồng trên mét vuông).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

1. Giao Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng thực hiện chuyển thông tin địa chính, hồ sơ kèm theo sang Thuế thành phố Đà Nẵng để làm cơ sở tính nghĩa vụ tài chính theo Điều 1 của Quyết định này.

2. Giao Thuế thành phố Đà Nẵng căn cứ giá đất tại Điều 1 Quyết định này để thông báo nghĩa vụ tài chính cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam theo đúng quy định.

3. Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Thông báo của Thuế thành phố Đà Nẵng nêu tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Giá đất cụ thể tại Điều 1 Quyết định này áp dụng để xác định nghĩa vụ tài chính kể từ ngày ký Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh tên đơn vị thuê đất và gia hạn thời gian thuê đất đối với khu đất tại số 11 đường 3 tháng 2, phường Thuận Phước, quận Hải Châu (nay là phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Trưởng Thuế thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND TP;
- CVP và các PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, SNNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Kỳ Minh